

Diosmin 500

1. **Tên thuốc**
Diosmin 500
2. **Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc**
Đề xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
3. **Thành phần công thức thuốc**
Thành phần hoạt chất:
Phân đoạn flavonoid tự hạt tinh chế tương ứng với:
Diosmin..... 450 mg
Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 50 mg
Thành phần tá dược:
Gelatin, magnesi stearat, microcrystallin cellulose (comprecel M102), tinh bột natri glycolat, talc, glycerol, macrogol 6000, hypromellose 6cps, natri lauryl sulfat, titan dioxyd, oxyd sắt đỏ, oxyd sắt vàng.
4. **Dạng bào chế**
Viên nén bao phim.
Viên nén hình oval, bao phim màu nâu vàng, hai mặt khum, trơn.
5. **Chỉ định**
– Điều trị những triệu chứng liên quan đến suy tĩnh mạch-mạch bạch huyết (nặng chân vào buổi sáng (do mạch máu), đau chân).
– Điều trị những triệu chứng liên quan đến con trĩ cấp.
6. **Cách dùng, liều dùng**
Diosmin 500 được dùng bằng đường uống trong bữa ăn.
Suy tĩnh mạch: 2 viên/ngày, một viên uống vào buổi trưa và một viên uống vào buổi tối.
– **Trĩ cấp:** 6 viên/ngày trong 4 ngày đầu, sau đó 4 viên/ngày trong 3 ngày tiếp theo.
7. **Chống chỉ định**
– Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào trong công thức.
– Phụ nữ có thai và cho con bú.
8. **Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc**
Con trĩ cấp: Dùng thuốc này không thay thế cho điều trị đặc hiệu chữa các bệnh khác của hậu môn. Dùng trong điều trị ngắn hạn. Nếu các triệu chứng không mất đi nhanh chóng, cần tiến hành khám hậu môn và xem lại cách điều trị.
9. **Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú**
Phụ nữ có thai
Nghiên cứu thực nghiệm trên động vật không chứng minh là thuốc có tác dụng gây quái thai ở động vật. Hơn nữa, hiện chưa có báo cáo về tác dụng có hại ở người.
Phụ nữ cho con bú
Do chưa có dữ liệu về sự bài tiết của thuốc vào sữa mẹ, không nên cho con bú trong thời gian điều trị.
10. **Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc**
Chưa được biết.
11. **Tương tác, tương kỵ của thuốc**
Tương tác của thuốc
Chưa được biết.
Tương kỵ của thuốc
Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.
12. **Tác dụng không mong muốn của thuốc**
Đã có báo cáo về một số trường hợp rối loạn tiêu hóa và rối loạn thần kinh thực vật nhẹ, không cần ngừng điều trị.
13. **Quá liều và cách xử trí**
Chưa được biết.
14. **Đặc tính dược lực học**
Nhóm dược lý: Thuốc bảo vệ thành mạch; tác nhân ổn định thành mạch; các bioflavonoid.
Mã ATC: C05CA03.
Thuốc có tác động trên hệ thống mạch máu tuần hoàn về tim bằng cách:
– Làm giảm tính căng giãn và ứ trệ của tĩnh mạch.
– Trong vi tuần hoàn, thuốc bình thường hóa tính thấm mao mạch và tăng sức bền mao mạch.
15. **Đặc tính dược động học**
Ở người, sau khi uống thuốc có chứa diosmin được đánh dấu bởi ¹⁴C:
– Bài tiết chủ yếu qua phân, trung bình có 14% liều dùng được bài tiết qua nước tiểu.
– Thời gian bán thải là 11 giờ.
– Thuốc được chuyển hóa mạnh, bằng chứng là có các acid phenol khác nhau trong nước tiểu.
16. **Quy cách đóng gói**
Vỉ 10 viên. Hộp 3 vỉ.
Vỉ 10 viên. Hộp 6 vỉ.
17. **Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc**
17.1. Điều kiện bảo quản
Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô. Nhiệt độ không quá 30°C.
17.2. Hạn dùng
24 tháng kể từ ngày sản xuất.
17.3. Tiêu chuẩn chất lượng
TCCS.
18. **Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc**



Công ty TNHH LD Stellapharm - Chi nhánh 1
Số 40 đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore,
P. An Phú, Tx. Thuần An, T. Bình Dương, Việt Nam
ĐT: (+84 274) 3767 470 Fax: (+84 274) 3767 469

